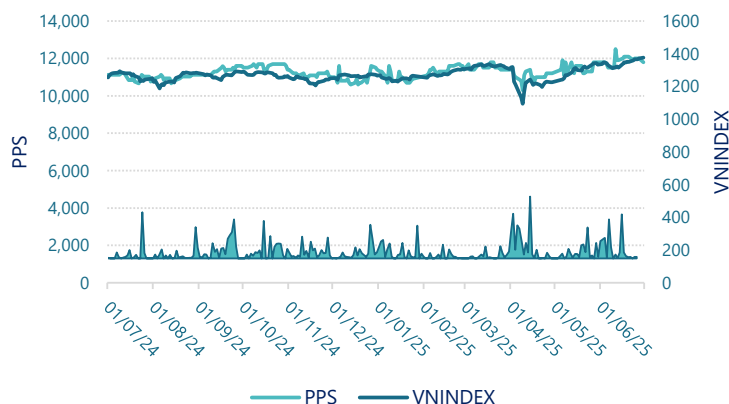


CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (HNX: PPS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,295
% sở hữu nước ngoài	28.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	177
P/E	11.2
EPS	1,056

DT thuần

Q2/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 94.8 | 426%

YoY: ▲ 30.9 | 35.7%

LN sau thuế

Q2/25

4.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.09 | 206%

YoY: ▲ 1.48 | 47.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.9%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

6T 2025

139

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -5.6%

LN sau thuế

6T 2025

6.10

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.53 | -29.4%

ROE

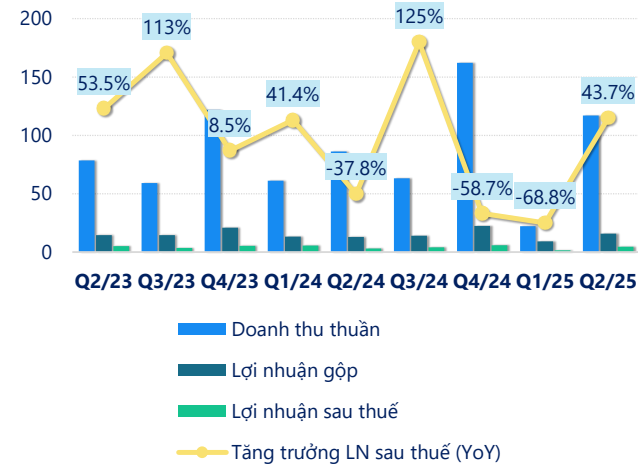
Q2/25

8.9%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

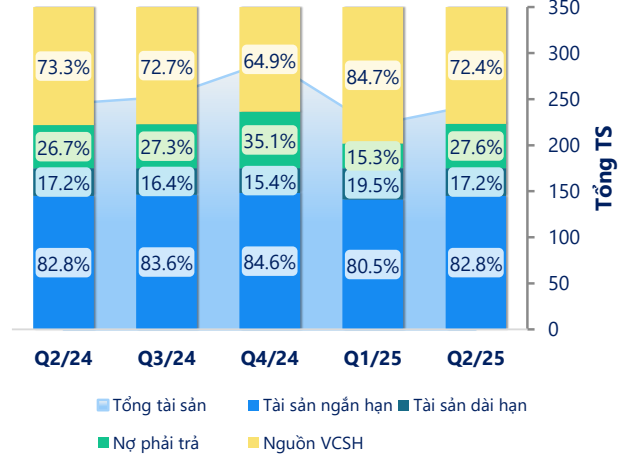
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

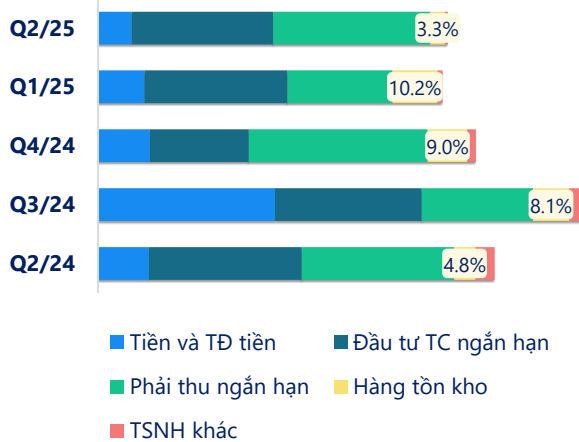
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



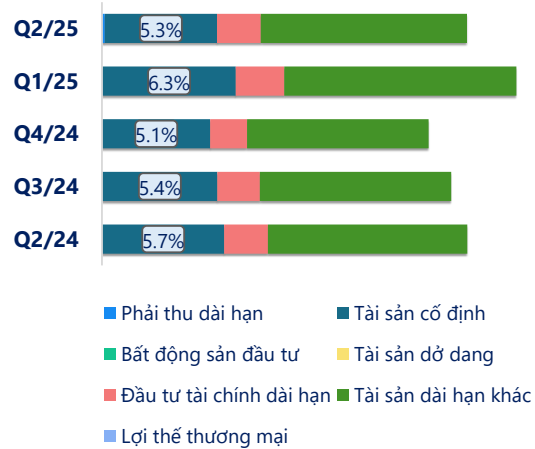
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

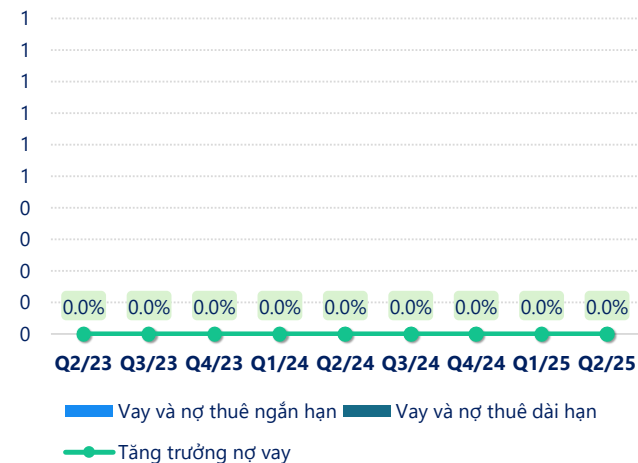
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

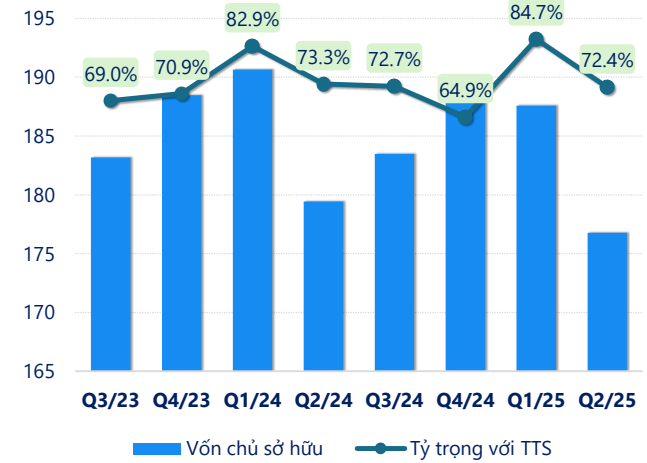
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

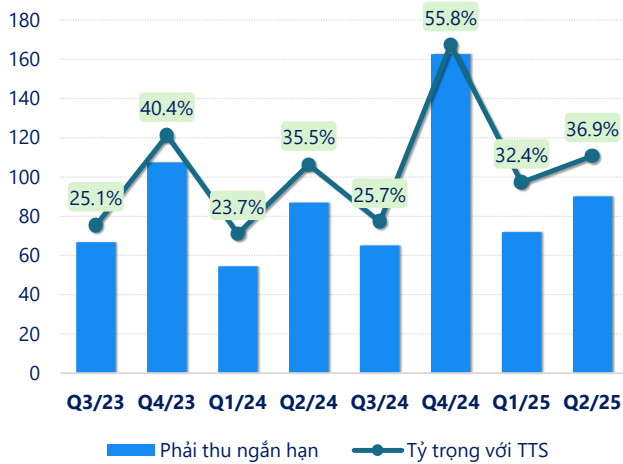
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



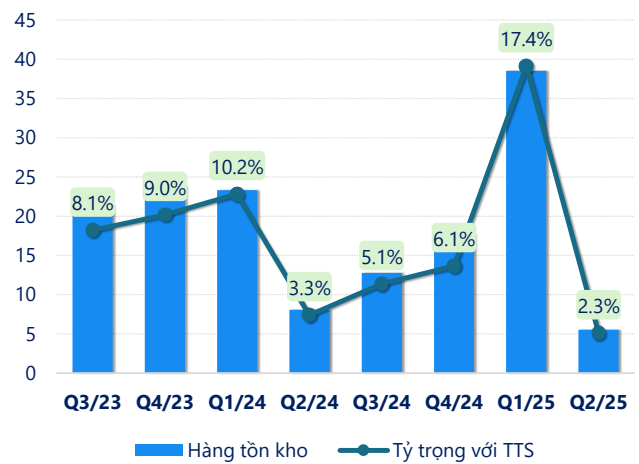
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


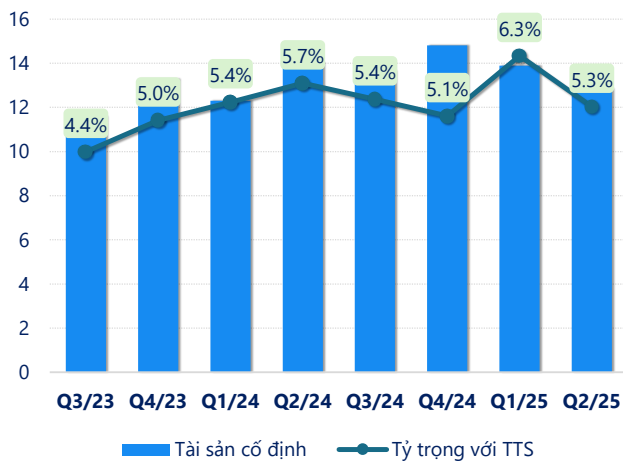
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


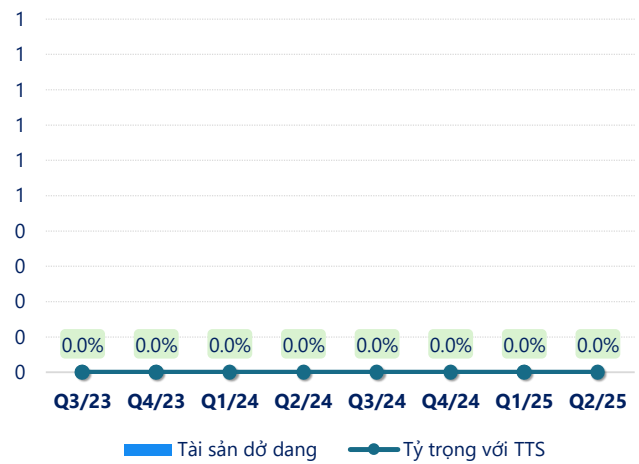
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

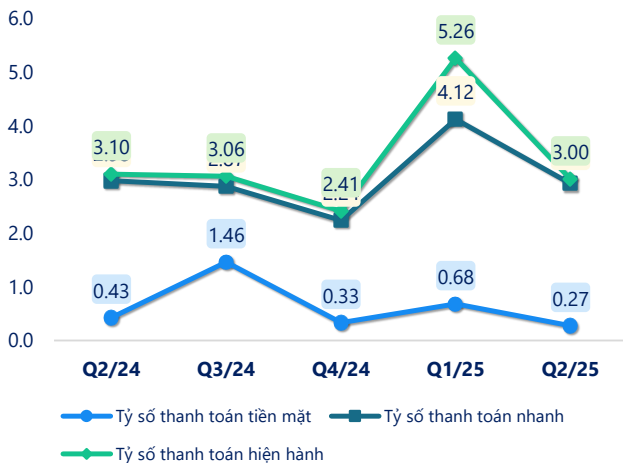
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

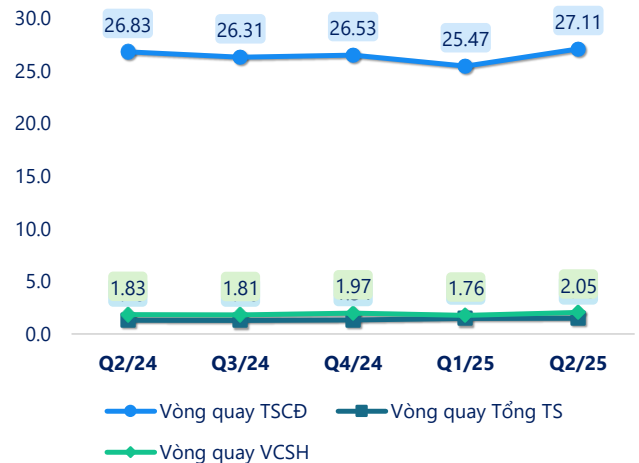
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	245	252	292	222	244
Tài sản ngắn hạn	203	211	247	178	202
Tiền và tương đương tiền	28.0	101	33.9	23.1	18.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.3	32.5	32.5	44.3	86.4
Phải thu ngắn hạn	86.9	65.0	163	71.8	90.1
Hàng tồn kho	8.06	12.8	17.7	38.5	5.53
Tài sản ngắn hạn khác	1.62	0.01	0.02	0.59	1.64
Tài sản dài hạn	42.1	41.5	44.8	43.2	41.9
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.04	0.04	0.34
Tài sản cố định	14.0	13.7	14.8	13.9	12.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04
Tài sản dài hạn khác	23.0	22.7	24.9	24.2	23.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	65.5	69.0	102	33.9	67.3
Nợ ngắn hạn	65.5	69.0	102	33.9	67.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	15.4	4.52	45.9	9.11	6.06
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	179	183	189	188	177
Vốn chủ sở hữu	179	183	189	188	177
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)